

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 25/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Oanh và bà Nguyễn Thị Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 452/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/11/2023, về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2024, giữa:

**- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy V**, sinh năm 1992 - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Xóm Th, xã Th, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà X, ngõ 4 tổ 8, đường Th, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội

**- Bị đơn: Anh Phan Văn M**, sinh năm: 1986 - *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**\* Ý kiến của nguyên đơn - Chị Trần Thị Thúy V:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phan Văn M yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/7/2013. Sau khi kết hôn thì chúng tôi chung sống tại P1 số 7, đường C,

phường L, quận B, Hà Nội. Trong thời gian chung sống, chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, mâu thuẫn về kinh tế, chồng không có trách nhiệm với vợ con, có biểu hiện chửi bới, lang mạ tôi nên thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Năm năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đến đỉnh điểm, chúng tôi đã từng làm đơn ly hôn và gửi đến Tòa án quận B giải quyết, nhưng sau đó xem xét lại chúng tôi đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian không lâu sau đó chúng tôi lại vẫn tiếp tục mâu thuẫn, anh M kiểm soát mọi hành động của tôi và những yêu cầu vô lý, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt và tôi luôn phải sống trong sợ hãi. Từ tháng 9/2021 vợ chồng đã sống ly thân, tôi sống tại Hà Nội, còn anh M sống với bố mẹ đẻ tại thôn Y, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Đến năm 2022 tôi một lần nữa làm đơn ly hôn nộp đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Quá trình giải quyết vụ án anh M có lên Tòa án trình bày xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Tuy nhiên do anh M tranh chấp về con và tôi muốn có thêm cơ hội để hàn gắn, cho con có bố mẹ nên một lần nữa tôi lại rút đơn.

Trên thực tế thì từ tháng 9 năm 2021 đến nay vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hoá giải, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Do đó đến nay tôi có nguyện vọng và cương quyết xin được ly hôn với anh Phan Văn M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung là cháu Phan Minh Tr, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 27/10/2018. Tôi có nguyện vọng là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn - Anh Phan Văn M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 220, 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81,

Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn** - Chị Trần Thị Thúy V, cho chị Trần Thị Thúy V được ly hôn với anh Phan Văn M.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phan Minh Tr, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Trần Thị Thúy V chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Chị Trần Thị Thúy V là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Chị Trần Thị Thúy V có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn - Anh Phan Văn M mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy V và anh Phan Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/7/2013, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Trần Thị Thúy V xác định: Quá trình chung sống hôn nhân giữa anh Phan Văn M và chị V phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, mâu thuẫn về kinh tế, chồng không có trách nhiệm với vợ con nên thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vào năm 2019 và năm 2022, vợ chồng chị V đã 02 lần lên Tòa giải quyết ly hôn (sau đó anh M, chị V rút đơn). Vợ chồng chị V đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cương quyết ly hôn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị Trần Thị Thúy V được ly hôn với anh Phan Văn M.

Về phía anh M không đến Tòa án để tham gia tố tụng; Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 10/5/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (trong vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022) anh M cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vấn đề về kinh tế và đã sống ly thân; Nguyên vọng của anh M là mong Tòa giải quyết ly hôn và anh M nuôi 02 con.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Khoảng năm 2022, anh M về địa phương sinh sống, tuy nhiên anh M về một mình, không có chị V về cùng; Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị V và anh M địa phương không nắm được. Về thu nhập của chị V, anh M thì địa phương không nắm được.

HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh M là trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, đã 02 lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án (năm 2019, năm 2022); Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M, chị V có 02 con chung là cháu Phan Minh Tr, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 27/10/2018. HĐXX xét thấy:

- Về chỗ ở và thu nhập: Quá trình giải quyết vụ án chị V đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ đủ căn cứ xác định chị V có nơi ở ổn định, rõ ràng, có môi trường sống tốt và có công việc, nghề nghiệp có thu nhập ổn định...; Còn anh M không có tài liệu gì về nơi ở, việc làm, thu nhập để cung cấp cho Tòa án.

- Về thời gian, điều kiện chăm sóc, giáo dục con, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị V đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện chị V có thời gian, điều kiện chăm sóc, giáo dục con tốt, còn anh M cũng không có tài liệu, ý kiến gì để cung cấp cho Tòa án. Về phía cháu Phan Minh Tr, tại bản tự khai ngày 25/4/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (trong vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022) cháu Tr cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị V.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy: Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, về nơi ở, môi trường sống, nơi học hành, điều kiện chăm sóc... để hai cháu Phan Minh Tr - Phan Minh V được chung sống cùng nhau (có anh có em) được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất và phát triển đầy đủ cả thể chất lẫn tinh thần thì cần giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom và có thể tự nguyện cấp dưỡng, chu cấp cho các con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết

[3.4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn - Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- *Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Trần Thị Thúy V về ly hôn, nuôi con chung;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thúy V được ly hôn với anh Phan Văn M;

2. *Về con chung:*

2.1. Giao 02 con chung là Phan Minh Tr, sinh ngày 02/01/2014 và Phan Minh V, sinh ngày 27/10/2018 cho chị Trần Thị Thúy V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh Phan Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là Phan Minh Tr, sinh ngày 02/01/2014 và Phan Minh V, sinh ngày 27/10/2018 mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Phan Văn M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Trần Thị Thúy V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003480 ngày 31/10/2023.

*Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS H. Krông Pắc;
- UBND xã Nghĩa Thái,  
H. Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Vũ Văn Đức**